TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ - PT
Ngày: 11/01/2018
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoài Nam;

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Minh Hồng

Ông Bùi Xuân Lai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Phượng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2017/TLPT- DS ngày 27 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp tài sản hôn nhân và gia đình".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 136/2017/TCDS – ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 114/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1965

Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn C- Sinh năm 1965

Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trịnh Xuân H- Văn phòng luật sư H– Đoàn luật sư tỉnh T.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Đoàn Văn T - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Đoàn Văn C vào tháng 9/1989, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định . Sau khi kết hôn thì chị H và anh C chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai bên không hợp tính nhau trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau nhiều lần xảy ra bạo lực trong gia đình anh C đánh chị H. Từ tháng 8/2015 đến nay chị và anh C sống ly thân nhau do anh C đánh đuổi chị ra khỏi nhà chị phải đi ở nhờ nhà người quen hơn 01 năm nay. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh C đã kéo dài, không được cải thiện và ngày một trầm trọng. Chị H có đơn xin ly hôn anh C, anh C không nhất trí ly hôn nhưng anh không đưa ra được giải pháp để vợ chồng có thể về đoàn tụ với nhau.

Chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Văn C có hai con chung là Đoàn Văn T sinh ngày 15/8/1990 và Đoàn Thị Phương T sinh ngày 08/7/2002. Đoàn Văn T đã trưởng thành sống tự lập được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Đối với cháu Đoàn Thị Phương T chưa trưởng thành, hiện đang do anh C nuôi dưỡng. Anh C và chị H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, anh C đề nghị được nuôi cháu T đồng thời tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh Đoàn Văn C và chị Nguyễn Thị H có tài sản chung gồm có 01 thửa đất ở diện tích 120 m^2 tại xóm T, xã N, nhưng thực tế đang sử dụng diện tích là 116m^2, trong đó cạnh đông giáp đường 490c dài 6,8 mét; cạnh tây giáp mương tiêu nước dài 6,95 mét; cạnh bắc giáp đất ông Đoàn Xuân G dài 17 mét; cạnh nam giáp đất ông Đoàn Văn T’ dài 17 mét. Trên đất có 01 nhà xây gạch mái bê tông có chiều rộng 4,6m, chiều dài 18 m. Dại phía trước nhà làm trên phần đất lưu không đường đường 490c có chiều dài 6,8 mét, chiều rộng 4,7 mét khung sắt mái tôn. Dại phía sau nhà làm trên đất hai lúa của anh C, chị H được cấp, có chiều rộng 4,9 m, chiều dài 5,2 m, cột bê tông đòn tay luồng, lợp prô xi măng và còn có 01 nhà vệ sinh. Dại phía nam nhà là hành lang đi từ đường 490c ra phía sau nhà rộng 2,2 m, dài 18 m lợp prô xi măng. Ngoài ra còn có 01 bộ bàn ghế sa lông và 01 ti vi màn hình phẳng 32 inch. Đất nông nghiệp được giao cho ba khẩu gồm anh C, chị H và cháu T, tổng diện tích là 1566 m^2. Toàn bộ tài sản bao gồm nhà, công trình phụ dại lợp bờ rô xi măng và lợp tôn, đất ở, 01 tivi, 01 bộ bàn ghế sa lông có tổng giá trị là 1.100.000.000 đồng; toàn bộ đất nông nghiệp trồng lúa giá trị là 87.000.000đồng.

Đối với diện tích đất nông nghiệp thì tại phiên hòa giải ngày 06/9/2017 chị H, anh C và cháu T đã thống nhất để cháu T sử dụng 403m^2 tại xóm T, xã N, diện tích còn lại 1163 m^2 đất nông nghiệp tại thửa số 135 tờ bản đồ số 01 chị H và anh C đề nghị được chia đôi mỗi bên sử dụng một nửa.

Từ nội dung trên tại bản án dân sự số 136/2017/ST-HNGĐ ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định quyết định:

Áp dụng các Điều 147; 271; 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Phương T sinh ngày 08/7/2002 cho anh Đoàn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Đoàn Văn C đối với cháu Đoàn Thị Phương T. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản:

Giao cho anh Đoàn Văn C được sử dụng 116m^2 đất ở, thửa số 793 tờ bản đồ số 06, tại xóm T xã N; đất có cạnh đông giáp đường 490c dài 6,8 mét; cạnh tây giáp mương tiêu nước dài 6,95 mét; cạnh bắc giáp đất ông Đoàn Xuân G dài 17 mét; cạnh nam giáp đất ông Đoàn Văn T'dài 17 mét. Anh Đoàn Văn C được sở hữu 01 bộ bàn ghế sa lông; 01 ti vi 32 inch; 01 nhà xây gạch mái bê tông có chiều rộng 4,6m, chiều dài 18m; dại phía trước nhà khung sắt mái tôn; dại phía sau nhà lợp prô xi măng; 01 nhà vệ sinh; dại phía nam nhà lợp prô xi măng. Tổng giá trị tài sản là 1.100.000.000 đồng. Anh Đoàn Văn C có trách nhiệm tháo rỡ phần dại, nhà vệ sinh làm trên phần đất lưu không đường, mương tiêu nước HTX và đất hai lúa. Anh Đoàn Văn C có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị H là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng); Chị H được nhận ở anh Đoàn Văn C số tiền thanh toán chênh lệch tài sản là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng).

* Về đất nông nghiệp trồng lúa:

+ Giao cho chị Nguyễn Thị H được sử dụng 581,5m^2 đất nông nghiệp trồng lúa, tại tờ bản đồ số 01 thửa số 135, ở cánh đồng giáp xã N. .

+ Giao cho anh Đoàn Văn C được sử dụng 581,5 m^2 đất nông nghiệp trồng lúa, tại tờ bản đồ số 01 thửa số 135, ở cánh đồng giáp xã N. .

+ Giao cho anh Đoàn Văn T được sử dụng 403 m^2 đất nông nghiệp trồng lúa, tờ bản đồ số 06 thửa số 388, ở xóm T, xã N.

Ngày 11/10/2017, anh Đoàn Văn C nộp đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét khách quan toàn diện và không thu thập đầy đủ chứng cứ của vụ án dẫn đến quyết định gây thiệt hại cho anh. Đồng thời yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án, tiến hành thu thập thêm các chứng cứ lời khai và xác định tài sản chung của vợ chồng và đề nghị bác yêu cầu việc kiện chia tài sản của chị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đoàn Văn C giữ nguyên những nội dung trong

đơn kháng cáo đồng thời xuất trình một số tài liệu liên quan đến việc vay nợ giữa anh với một số người cũng như việc một số người vay nợ anh và chị H. Chị H không chấp nhận những tài liệu anh C xuất trình tại Tòa án cấp phúc thẩm chị có ý kiến những tài liệu này là giả mạo, khi anh C yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết những vấn đề này Thẩm phán đã yêu cầu anh C đưa những người cho vợ chồng vay nợ và những vay nợ tiền, tài sản của vợ chồng đến Tòa án để làm thủ tục tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng anh C không đưa họ đến được nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định trình bày quan điểm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng và trình tự thủ tục tại phiên toà được thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 76, 77, 78, 81, 85 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, xem xét tính hợp pháp của toàn bộ hồ sơ và những nội dung án sơ thẩm cùng nội dung kháng cáo của anh Đoàn Văn C thấy rằng yêu cầu kháng cáo của anh không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm dân sự số 136/2017/ST-HNGĐ ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc Chị Nguyễn Thị H xin ly hôn anh Đoàn Văn C, các bên đương sự đều cư trú tại xã N huyện N nên Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của anh Đoàn Văn C làm trong hạn luật định nên được chấp nhận, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Anh Đoàn Văn C kháng cáo cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét khách quan toàn diện và không thu thập đầy đủ chứng cứ của vụ án dẫn đến quyết định gây thiệt hại cho anh. Đồng thời yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án, tiến hành thu thập thêm các chứng cứ lời khai và xác định tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm anh C đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về xử cho ly hôn giữa anh và chị H và quyết định giao cháu Đoàn Thị Phương T sinh ngày 08/7/2002 cho anh trực tiếp nuôi

dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng. Anh đề nghị xem xét lại quyết định về phân chia tài sản nhưng anh không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đề nghị của mình. Qua xem xét, kiểm tra các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các tài liệu chứng cứ do các đương sự xuất trình, nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm đã được thể hiện công khai qua các "Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ" ngày 01/8/2017 và ngày 25/8/2017, các đương sự đều thừa nhận các biên bản đều được Thẩm phán lập theo đúng thủ tục pháp luật. Như vậy, không có căn cứ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét khách quan toàn diện và không thu thập đầy đủ chứng cứ của vụ án như lời đề nghị của anh C. Tại phiên tòa phúc thẩm anh C xuất trình tài liệu về việc anh, chị vay nợ của ông Nguyễn Văn B và một số người khác cũng như một số người vay nợ chị H, Chị H không thừa nhận và có ý kiến những giấy tờ tài liệu đó là giả mạo. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu anh C nếu có căn cứ thì yêu cầu những người cho vay nợ đến Tòa án để làm thủ tục tố tụng nhưng anh C không đưa được những người đó đến để tham gia tố tụng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét yêu cầu này. Nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận đề nghị của anh C là thu thập thêm chứng cứ để xác định tài sản chung của vợ chồng, nếu hiện nay anh C có đầy đủ các tài liệu liên quan đến những vấn đề về tài sản chung của vợ chồng mà chưa được giải quyết thì anh có quyền được khởi kiện thành vụ án khác tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của anh C và chị H gồm có 01 thửa đất ở diện tích 120 m^2 tại xóm T xã N, nhưng thực tế đất đang sử dụng diện tích là 116 m^2, trong đó cạnh đông giáp đường 490c dài 6,8 mét; cạnh tây giáp mương tiêu nước dài 6,95 mét; cạnh bắc giáp đất ông Đoàn Xuân G dài 17 mét; cạnh nam giáp đất ông Đoàn Văn T'dài 17 mét. Trên đất có 01 nhà xây gạch mái bê tông có chiều rộng 4,6m, chiều dài 18 m. Dại phía trước nhà làm trên phần đất lưu không đường đường 490c có chiều dài 6,8 mét, chiều rộng 4,7 mét khung sắt mái tôn. Dại phía sau nhà làm trên đất hai lúa của anh C, chị H được cấp, có chiều rộng 4,9 m, chiều dài 5,2 m, cột bê tông đòn tay luồng, lợp prô xi măng và còn có 01 nhà vệ sinh. Dại phía nam nhà là hành lang từ đường 490 C ra phía sau nhà rộng 2,2 m, dài 18 m lợp prô xi măng. Ngoài ra còn có 01 bộ bàn ghế sa lông và 01 ti vi màn hình phẳng 32 inch. Tổng giá trị là 1.100.000.000 đồng, chia đôi mỗi người sở hữu một nửa giá tri tài sản và giao cho anh C được sở hữu tài sản còn chị H nhận tiền chênh lệch, là đã có lợi cho anh C trong khi chị H là phụ nữ không được ưu tiên nhận tài sản phải tự lo chỗ ở mới. Mặc dù, tại phiên tòa chị H đề nghị nếu anh C không chấp nhận thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị như Tòa án cấp sơ thẩm quyết định thì chị đề nghị sẽ trả

chênh lệch tài sản cho anh là 550.000.000 đồng để chị nhận tài sản nhưng do chị không kháng cáo và đề nghị của chị tại phiên tòa không được anh C chấp nhận nên yêu cầu này của chị không được xem xét. Hội đồng xét xử không chấp nhận phần kháng cáo về phân chia lại tài sản của anh C, cần giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về phần quyết định này đồng thời yêu cầu anh C sớm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị H, để tạo điều kiện chị H ổn định chỗ ở.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đất nông nghiệp hộ gia đình anh C chị H được giao cho ba khẩu gồm anh C, chị H và cháu T, tổng diện tích là 1566 m^2. Anh chị thống nhất giao cháu Đoàn Văn T được quyền sử dụng đối với 403 m^2 đất nông nghiệp được chia ở tại xóm T xã N, còn lại diện tích 1163 m^2 đất nông nghiệp tại thửa số 135 tờ bản đồ số 01 chia cho chị H và anh C là phù hợp. Nên cần giữ nguyên phần quyết định này của Tòa án cấp sơ thẩm

[3] Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định: Án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng; án phí giá ngạch tài sản: anh Đoàn Văn C và chị Nguyễn Thị H mỗi người phải nộp là 27.292.232 đồng. Anh Đoàn Văn T phải nộp 1.119.453 đồng. Hội đồng xét xử xác định anh T không có tranh chấp về phần đất nông nghiệp, do anh C chị H tự nguyện giao phần diện tích 403 m^2 đất nông nghiệp cho anh T theo tiêu chuẩn được cấp, nên việc buộc anh T phải chịu án phí giá ngạch, là không đúng pháp luật. Sửa án sơ thẩm là không buộc anh T phải chịu án phí giá ngạch về phần tài sản là 403 m^2 đất được quyền sử dụng. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đơn đề nghị miễn giảm án phí của chị H nên tại Tòa án cấp phúc thẩm chị tiếp tục có đơn yêu cầu, tại phiên tòa chị vẫn đề nghị xin miễn giảm án phí với lý do hoàn cảnh khó khăn không có chỗ ở phải đi ở nhờ, do chưa nhận tiền thanh toán từ anh C để tự tạo lập chỗ ở mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H giảm 50% án phí giá ngạch đối với chị H; sửa án sơ thẩm về một phần án phí giá ngạch.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh C phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 147; 271; 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình; Giữ nguyên các quyết định về giải quyết ly hôn, về con chung và phân chia tài sản của bản án sơ thẩm.

Áp dụng các khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th vụ Quốc hội; Sửa án dân sự về án phí giá ngạch của bản án sơ thẩm.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Phương T sinh ngày 08/7/2002 cho anh Đoàn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Đoàn Văn C. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản:

+ Giao cho anh Đoàn Văn C được sử dụng 116 m^2 đất ở, thửa số 793 tờ bản đồ số 06, tại xóm T xã N; đất có cạnh đông giáp đường 490c dài 6,8 mét; cạnh tây giáp mương tiêu nước dài 6,95 mét; cạnh bắc giáp đất ông Đoàn Xuân G dài 17 mét; cạnh nam giáp đất ông Đoàn Văn T'dài 17 mét. Anh Đoàn Văn C được sở hữu 01 bộ bàn ghế sa lông; 01 ti vi 32 inch; 01 nhà xây gạch mái bê tông có chiều rộng 4,6m, chiều dài 18m; dại phía trước nhà khung sắt mái tôn; dại phía sau nhà lợp prô xi măng; 01 nhà vệ sinh; dại phía nam nhà lợp prô xi măng. Tổng giá trị tài sản là 1.100.000.000 đồng. Anh Đoàn Văn C có trách nhiệm tháo rỡ phần dại, nhà vệ sinh làm trên phần đất lưu không đường, mương tiêu nước HTX và đất hai lúa. Nhưng anh Đoàn Văn C có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị H số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng).

+ Chị Nguyễn Thị H được nhận ở anh Đoàn Văn C số tiền thanh toán chênh lệch tài sản là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng).

* Về đất nông nghiệp trồng lúa:

+ Giao cho chị Nguyễn Thị H được sử dụng 581,5 m^2 đất nông nghiệp trồng lúa, tại tờ bản đồ số 01 thửa số 135, ở cánh đồng giáp xã N.

+ Giao cho anh Đoàn Văn C được sử dụng 581,5 m^2 đất nông nghiệp trồng lúa, tại tờ bản đồ số 01 thửa số 135, ở cánh đồng giáp xã N.

+ Anh Đoàn Văn T được sử dụng 403 m^2 đất nông nghiệp trồng lúa, tờ bản đồ số 06 thửa số 388, ở xómT xã N.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành số tiền người phải thi hành án chậm thi hành phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/05961 ngày 20/02/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Án phí giá ngạch tài sản:

- Chị Nguyễn Thị H phải nộp 13.646.116 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí giá ngạch tài sản chị Nguyễn Thị H đã nộp 7.000.000 đồng

theo biên lai số: BB/2012/06090 ngày 27/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị H còn phải nộp 6.646.116 đồng (sáu triệu sáu trăm bốn sáu ngàn một trăm mười sáu ngàn đồng).

- Anh Đoàn Văn C phải nộp 27.292.232 đồng (hai mươi bảy triệu hai trăm chín mươi hai nghìn hai trăm ba mươi hai đồng)

- Anh Đoàn Văn T không phải nộp áp phí giá ngạch tài sản.

+ Án phí dân sự phúc thẩm anh Đoàn Văn C phải nộp 300.000 đồng, chuyển số tiền 300.000 đồng anh C nộp dự phí kháng cáo tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng theo biên lai số BB/2012/06041 ngày 11/10/2017 thành án phí phúc thẩm anh C phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nghĩa Hưng;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hưng;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Hoài Nam